

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**
Bản án số: 57/2024/HS-ST
Ngày: 25-6-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo.

2. Bà Lý Thị Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trực tuyến Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và điểm cầu phòng trực tuyến của Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa trực tuyến công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2024/TLST-HS, ngày 30 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN NGỌC A**, (tên gọi khác: **Trần Văn A, T**), sinh ngày 02 tháng 3 năm 1980, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi đăng ký HKTT, chỗ ở: Thôn 09, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Văn P (đã chết) và con bà Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1956.

Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ hai.

Vợ, con: Không.

Tiền án: - Ngày 09/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* (Bản án số 19/2018/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/10/2018).

- Ngày 09/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* (Bản án số 53/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2019, tài sản trộm cắp trị giá 360.000 đồng).

- Ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* (Bản án số 150/2019/HS-ST, chấp hành xong hình

phạt tù ngày 24/9/2020, tài sản trộm cắp trị giá 417.500 đồng).

- Ngày 20/7/2021, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 12 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* (Bản án số 51/2021/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/4/2022, tài sản trộm cắp trị giá 2.500.000 đồng).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: - Ngày 28/9/2007, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* (Bản án số 58/2007/HSST).

- Ngày 26/8/2008, Tòa án nhân dân thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm tù về tội *Trộm cắp tài sản* (Bản án số 76/2008/HSST).

- Ngày 24/6/2009, bị Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 100.000 đồng về hành vi Có cử chỉ khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác (Quyết định số 110/QĐ-XPHC).

- Ngày 14/10/2009, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* (Bản án số 84/2009/HSST).

- Ngày 28/02/2011, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 15 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* (Bản án số 12/2011/HSST).

- Ngày 27/11/2012, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 18 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* (Bản án số 82/2012/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo **TRẦN NGỌC A**, (tên gọi khác: **Trần Văn A, T**): Bà **Nguyễn Kim Tuyền** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang - Bà Tuyền có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị **Phạm Thị M**, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Tân Minh, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 04, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Trung S**, sinh năm 1971.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 24, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ, ngày 24/3/2024, **TRẦN NGỌC A** (tên gọi khác: **Trần Văn A, T**), cư trú tại thôn 09, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (có tiền án về tội *Trộm cắp tài sản* chưa được xóa án tích) đứng trên vỉa hè trước khách sạn Mường Thanh, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, gặp và đi nhờ một người đàn ông lái xe kéo (không biết tên, địa chỉ) sang khu vực đầu cầu Nông Tiến thuộc phường N, thành phố T thì A (T) xuống xe, quan sát bên trái đường, thấy nhà chị **Phạm Thị M** thuộc tổ dân phố 04, phường N,

thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đóng cổng sắt, nhưng không đóng cửa trong nhà và không có người ở nhà. Lúc này, A (T) nảy sinh ý định vào nhà chị M để trộm cắp tài sản, A (T) đi bộ sang đường, trèo qua cổng sắt vào bên trong nhà, đi xuống cầu thang, vào phòng ngủ tại tầng một (tầng âm) thì thấy có 01 (một) chiếc điện thoại di động (nhãn hiệu Samsung, loại A20) có ốp lưng bằng nhựa màu xanh, màn hình bị vỡ của chị M để ở trên giường ngủ, A (T) trộm cắp chiếc điện thoại rồi đi ra phòng khách, tháo ốp lưng để lại trên ghế da trong phòng, A (T) đi theo lối cũ và trèo qua cổng sắt để ra ngoài đường.

Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại của chị M, A (T) đi đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Nguyễn Trung S, trú tại tổ dân phố 12, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bán cho anh S chiếc điện thoại trên với giá 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng). Sau khi bán được chiếc điện thoại trên, A (T) chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐGTS, ngày 27/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: Giá trị của 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại A20-A205, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng là 780.000 đồng (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định số: 552/KL-KTHS, ngày 10/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp tin Video gửi giám định. Đặc điểm về người, nội dung, diễn biến sự việc trong các tệp tin Video được mô tả chi tiết trong bản ảnh giám định kèm theo (Kèm theo 01 bản ảnh giám định gồm 05 trang A4).

Vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ 01 (Một) chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xanh, có in dòng chữ SAMSUNG, kích thước 16x7,7x01(cm). Ngày 26/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số: 332/QĐ-CQCSĐT-ĐTTH, trả lại cho chị M là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại A20-A205, màu đen mà A (T) đã bán cho anh Nguyễn Trung S cùng ngày 24/3/2024, anh S bán lại cho một người đàn ông thu mua phế liệu không quen biết, không rõ tên, địa chỉ nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị M nhận lại tài sản là chiếc ốp lưng điện thoại, không yêu cầu A (T) phải bồi thường thiệt hại về dân sự.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo TRẦN NGỌC A, (tên gọi khác: Trần Văn A, T) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của A (T) còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường; Kết luận định giá tài sản; Kết luận giám định; lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số: 58/CT-VKSTP, ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, truy tố TRẦN NGỌC A (tên gọi khác: Trần Văn A, T) về tội *Trộm cắp tài sản*, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo A (T) tiếp tục khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình với mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo không có ý kiến gì về kết luận định giá tài sản đã kết luận về giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, không yêu cầu định giá lại và bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận giám định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo là đúng tội, không oan.

Về trách nhiệm dân sự bị cáo A (T) trình bày: Do bị hại là chị Phạm Thị M không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên bị cáo hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì. Đối với số tiền 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) bị cáo đã bán chiếc điện thoại cho anh Nguyễn Trung S, số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết mà chưa hoàn trả lại cho anh S và anh S không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên bị cáo nhất trí đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Phạm Thị M trình bày tại Biên bản lấy lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Khoảng 13 giờ, ngày 24/3/2024, do có công việc nên gia đình tôi đều đi ra ngoài mà không có ai ở trong nhà. Trước khi đi tôi không khóa cửa nhà mà chỉ khóa cửa cổng đi vào nhà. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày 24/3/2024, tôi về nhà thì phát hiện có người đã vào phòng ngủ tại tầng một (tầng âm) của nhà tôi lấy đi 01 (một) chiếc điện thoại di động (nhãn hiệu Samsung, loại A20) có ốp lưng bằng nhựa màu xanh, màn hình bị vỡ của tôi trước đó đã để ở trên giường ngủ của tôi, tôi có kiểm tra lại toàn bộ tài sản trong nhà thì thấy chỉ bị mất trộm 01 chiếc điện thoại di động như trên và tôi cùng chồng tôi có kiểm tra Camera an ninh của nhà tôi thì phát hiện một người đàn ông đã trèo qua cổng nhà tôi để vào nhà trộm cắp chiếc điện thoại của tôi, do vậy tôi đã đến Công an trình báo để giải quyết. Sau một thời gian Công an giải quyết thì đã phát hiện ra người lấy trộm điện thoại của tôi tên là Anh và sau đó Công an đã trả lại cho tôi chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa, còn chiếc điện thoại do bị cáo đã bán cho cửa hàng điện thoại và cửa hàng điện thoại lại bán cho người khác không biết tên, địa chỉ nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý A (T) theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự tôi (M) không yêu cầu A (T) bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung S trình bày tại Biên bản lấy lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Khoảng 15 giờ, ngày 24/3/2024 tôi đang ở cửa hàng điện thoại của tôi ở tổ dân phố 12, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thì có một người đàn ông không biết tên, địa chỉ, đến nói là do không có nhu cầu sử dụng nữa nên muốn bán chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG - Galaxy-A20 của mình đã qua sử dụng, tôi xem điện thoại và đồng ý mua với giá 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) định để lấy linh kiện thay thế. Sau khi mua xong, tôi kiểm tra lại máy điện thoại này thì thấy không dùng được vào mục đích thay linh kiện, nên tôi đã bán chiếc điện thoại này cho một người đàn ông (không biết tên, địa chỉ) thu mua phế liệu với giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra tôi không biết nguồn gốc chiếc điện thoại di động này do đâu mà người đàn ông này có để bán cho tôi. Về trách nhiệm dân sự tôi không yêu cầu bị cáo A (T) bồi thường gì cho tôi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo TRẦN NGỌC A (tên gọi khác: Trần Văn A, T) và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo TRẦN NGỌC A (tên gọi khác: Trần Văn A, T) phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo TRẦN NGỌC A (tên gọi khác: Trần Văn A, T) từ 07 (Bảy) tháng tù đến 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/3/2024.

Bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo và không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại chị M không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, các bên không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

- Về biện pháp tư pháp: Xét thấy số tiền 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) bị cáo A (T) đã bán chiếc điện thoại do trộm cắp của chị M mà có cho anh S, anh S không yêu cầu bị cáo A (T) trả lại số tiền này, do vậy truy thu để tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định của Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo A (T) vì lý do bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận của Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Kim Tuyến là người bào chữa cho bị cáo TRẦN NGỌC A (tên gọi khác: Trần Văn A, T) trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, truy tố bị cáo TRẦN NGỌC A (tên gọi khác: Trần Văn A, T) về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Bị cáo A (T) tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo; không có tài sản; là người có nhược điểm về thể chất (chân bị tật) đi lại rất khó khăn, hạn chế khả năng lao động và là người không có trình độ học vấn, nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo A (T) mức án thấp nhất của mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên tòa. Bị cáo A (T) là người thuộc hộ cận nghèo, bản thân bị cáo không có tài sản, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại là chị M không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, các bên không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

- Về biện pháp tư pháp: Số tiền 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) bị cáo A (T) đã bán chiếc điện thoại do trộm cắp của chị M cho anh S, anh S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này, bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo, bản thân bị cáo không có tài sản, là người có nhược điểm về thể chất (chân bị tật) đi lại rất khó khăn,

hạn chế khả năng lao động, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không truy thu đề tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định của Điều 47 của bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về án phí: Bị cáo A (T) là người thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo A (T) không có ý kiến tranh luận gì với nội dung luận tội của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T. Bị cáo A (T) nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; của bị cáo; của Trợ giúp viên pháp lý và người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo A (T) tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ, ngày 24/3/2024, tại nhà chị Phạm Thị M thuộc tổ dân phố 04, phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, TRẦN NGỌC A (tên gọi khác: Trần Văn A, T), cư trú tại xóm 09, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (có tiền án về tội *Trộm cắp tài sản* tính đến ngày phạm tội lần này chưa được xóa án tích) đã có hành vi trộm cắp tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy- A20, màu đen, đã qua sử dụng trị giá 780.000 đồng (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng) của Phạm Thị chị M. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, truy tố TRẦN NGỌC A (tên gọi khác: Trần Văn A, T), về tội *Trộm cắp tài sản*, theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo A (T) nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài

sản hợp pháp của bị hại, gây mất trật tự ở địa phương, nhưng vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý vi phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do lỗi cố ý, nên cần xử phạt bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật và cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phục vụ công tác phòng chống tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A (T) không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo A (T) tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về vai trò của bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo A (T) một mình thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình đã gây ra.

[7] Về mức án: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, nên chấp nhận xử phạt bị cáo A (T) mức án như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, đề nghị tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo người người thuộc hộ cận nghèo và không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Xét thấy bị hại chị M không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, các bên không có tranh chấp, nên ghi nhận theo quy định của pháp luật.

[10] Về biện pháp tư pháp: Xét thấy số tiền 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) bị cáo A (T) đã bán chiếc điện thoại do trộm cắp của chị M mà có cho anh S, anh S không yêu cầu bị cáo A (T) trả lại số tiền này, do vậy truy thu để tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định của Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] Ý kiến bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Kim Tuyến là người bào chữa cho bị cáo A (T) tại phiên tòa cho rằng bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo; là người có nhược điểm về thể chất (chân bị tật) đi lại rất khó khăn, hạn chế khả năng lao động và là người không có trình độ học vấn, nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, do vậy đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận theo quy định của pháp luật. Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Kim Tuyến đề nghị không truy thu của bị cáo để tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) do bị cáo đã bán chiếc điện thoại cho anh S mà có theo quy định của Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự là không có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận theo quy định của pháp luật. Các ý kiến bào chữa khác của Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Kim Tuyến người bào chữa cho bị cáo A (T) tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý, nên chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[12] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại chị M không yêu cầu bị cáo A (T) bồi thường gì, các bên không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết mà ghi nhận theo quy định của pháp luật.

[13] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ 01 (Một) chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xanh, có in dòng chữ SAMSUNG, kích thước 16x7,7x01 (cm). Ngày 26/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số: 332/QĐ-CQCSĐT-ĐTTH, trả lại cho chị M là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật, nên ghi nhận.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại A20-A205, màu đen mà bị cáo A (T) đã bán cho anh Nguyễn Trung S, cùng ngày 24/3/2024, anh S bán lại cho một người đàn ông thu mua phế liệu không quen biết, không biết tên, không biết địa chỉ nên không thu giữ được, nên không có căn cứ xử lý.

Xét thấy số tiền 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) do bị cáo A (T) đã bán chiếc điện thoại di động do trộm cắp của chị M mà có cho anh S, anh S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này, do vậy truy thu của bị cáo A (T) số tiền này để tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định của Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[14] Việc anh Nguyễn Trung S ngày 24/3/2024 đã mua của bị cáo A (T) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại A20-A205, màu đen đã trộm cắp của chị M, xét thấy khi mua anh S không biết đây là tài sản do A (T) trộm cắp mà có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo A (T) là người thuộc hộ cận nghèo và bị cáo có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo A (T) theo quy định của pháp luật.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **TRẦN NGỌC A** (tên gọi khác: **Trần Văn A, T**) phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

2. Xử phạt: Bị cáo **TRẦN NGỌC A** (tên gọi khác: **Trần Văn A, T**) 07 (Bảy) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27 tháng 3 năm 2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại chị Phạm Thị M không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Ghi nhận ngày 26/3/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã trả lại cho chị Phạm Thị M 01 (Một) chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xanh, có in dòng chữ SAMSUNG, kích thước 16x7,7x01 (cm).

- Truy thu của bị cáo **TRẦN NGỌC A** (tên gọi khác: **Trần Văn A, T**) số tiền 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

5. *Về án phí hình sự sơ thẩm:* Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo TRẦN NGỌC A (tên gọi khác: Trần Văn A, T).

6. *Về quyền kháng cáo:* - Bị cáo TRẦN NGỌC A (tên gọi khác: Trần Văn A, T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại chị Phạm Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung S được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Công an TP. Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- TT. trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh TQ;
- Trợ giúp viên pháp lý Tuyến;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hồ sơ thi hành án hình sự;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo

Lý Thị Nhân

Trần Anh Tuấn

